

Bản án số: **55/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 19/7/2017
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Gia

Ông Nguyễn Trọng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký TAND huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2017, tại Hội trường Tòa án nhân huyện TP, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TP giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1994

HKTT: Ấp 3, xã N, huyện TP, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: Số 27, tổ 5, ấp 6, xã P, huyện TP, Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh Vũ Ngọc P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 14, khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại “Đơn xin ly hôn” ghi ngày 27/4/2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Vũ Ngọc P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015. Sau đó, anh chị mới đăng ký kết hôn và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau nhưng do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống luôn bất đồng nên giữa chị N và anh P thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Vì vậy, từ tháng 02/2017, chị N đã về nhà cha mẹ đẻ tại xã P sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh P và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nên chị N đã viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc P.

- Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là: Vũ Nhất D, sinh ngày 25/10/2016. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu D và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày trong “Bản tự khai” ngày 11/5/2017 của anh Vũ Ngọc P như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Huyền N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015. Đến ngày 21/11/2016, hai bên mới đăng ký kết hôn và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng cũng có nhiều lúc xảy ra mâu thuẫn với nhau. Vì vậy, đầu năm 2017, chị N bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống và vợ chồng sống ly thân kể từ đó. Trong thời gian sống ly thân, anh đã cố gắng hàn gắn, níu kéo để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng do chị N không muốn vợ chồng đoàn tụ và nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết xin ly hôn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng còn, nếu có tiếp tục cuộc sống chung thì cũng không có hạnh phúc nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là: Vũ Nhất D sinh ngày 25/10/2016, hiện tại cháu D còn nhỏ và đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh P kê khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, kèm theo đơn khởi kiện, chị N có cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Giấy CMND của chị N và anh P (Bản sao); Sổ hộ khẩu của chị N và anh P (Bản sao); Trích lục khai sinh cháu Vũ Nhất D (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); Bản tự khai ngày 27/04/2017 (Bản chính). Những tài liệu, chứng cứ nêu trên tòa án đã sao gửi cho anh P theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N thì anh P đã trình bày ý kiến của mình thông qua Bản tự khai ngày 11/5/2017 và chị N không có ý kiến gì đối với ý kiến của anh P.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ gồm: Các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị N, anh P vào ngày 24/5/2017 và ngày 29/5/2017 có xác nhận của chính quyền địa phương. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết và các đương sự không có ý kiến gì.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn chị N không có ý kiến gì và không bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác. Bị đơn anh P vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh P, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh P. Chị N không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát huyện TP tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự tố tụng mà pháp luật quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N;

- + Giao cháu Vũ Nhất D cho chị N nuôi dưỡng và tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con;
- + Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có;
- + Về án phí: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Huyền N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/4/2017, chị Nguyễn Thị Huyền N làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Vũ Ngọc P nên xác định chị N là nguyên đơn, anh P là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Vũ Ngọc P có nơi cư trú tại huyện TP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của chị N sẽ được giải quyết theo quy định của Luật tố tụng dân sự và Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh P theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị N và anh P hoàn toàn hợp pháp do tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trên cơ sở lời khai trong quá trình tố tụng và thực tế xác minh tại địa phương cho thấy: Anh P và chị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 cho đến ngày 21/11/2016, anh chị mới đăng ký kết hôn và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống luôn bất đồng nên giữa chị N và anh P thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân kể từ đầu năm 2017 cho đến nay. Chị N và anh P đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Chị N yêu cầu tòa án giải quyết xin ly hôn thì anh P cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh P để hòa giải nhưng anh P vắng mặt không có lý do. N vậy, cho thấy bản thân anh P không có thiện chí, mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt, chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh P. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh P không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, vì vậy để sớm ổn định cuộc sống của hai bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Chị N và anh P có một con chung là cháu Vũ Nhất D, sinh

ngày 25/10/2016. Khi ly hôn, chị N có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D mà không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của chị N cùng được anh P đồng ý chấp nhận. Vì hiện cháu Vũ Nhất D dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cháu D giao cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự kê khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền N.

1. Chị Nguyễn Thị Huyền N được ly hôn anh Vũ Ngọc P.

2. Giao cháu Vũ Nhất D, sinh ngày 26/10/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 005651 ngày 27/4/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP được chuyển thành án phí.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- UBND xã N (Số 62, ngày 21/11/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

(Đã ký)

Hà Văn Phi